

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Viscogen KLK 28

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28
SDS # 450798
Mã số 450798-FR01

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Ứng dụng sản phẩm Dầu bôi trơn xích.
Để được tư vấn ứng dụng cụ thể, hãy xem Tài liệu kỹ thuật thích hợp hoặc tham khảo ý kiến đại diện công ty của chúng tôi.

Nhà cung cấp Công ty TNHH Castrol BP Petco
Phòng 20.01, Tầng 20, Tòa Nhà The Nexus, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: 84-28-38219596 / 38219153
Fax: 84-28-38219603 / 38219152

THÔNG TIN CẤP CỨU ĐÓ TRẦN: Carechem: +65 3158 1074 (24/7)

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm NHAY DA - Loại 1
ĐỘC TÍNH SINH SẢN - Loại 2

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ

H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
H361 - Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ sơ sinh.

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn

P201 - Cần được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 - Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.
P280 - Đeo găng tay, quần áo bảo hộ và đồ bảo vệ mắt hoặc mặt nạ.
P261 - Tránh hít thở hơi.
P272 - Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

Tên sản phẩm	Viscogen KLK 28	Mã sản phẩm	450798-FR01	Trang:	1/14
Ngày phát hành	02/12/2026.	Format	Việt nam	Ngôn ngữ	TIẾNG VIỆT
Phiên bản	9.01	(Việt nam)		(VIETNAMESE)	

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phản ứng	P308 + P313 - Nếu tiếp xúc hoặc quan ngại: Hỏi ý kiến chăm sóc y tế. P302 + P352 - NẾU TIẾP XÚC VỚI DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. P333 + P313 - Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Hỏi ý kiến chăm sóc y tế. P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng.
Lưu trữ	P405 - Lưu trữ có khóa chặt.
Xử lý	P501 - Xả bỏ chất thải và bao bì theo tất cả các quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Lộ trình vào	Tiếp xúc với da. Tiếp xúc với mắt. Hít phải. Tiêu hóa.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Khử mỡ của da.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/hỗn hợp Hỗn hợp
Chất bôi trơn tổng hợp và các loại phụ gia.

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	%
N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutyl-naphthalen-1-amine	Số CAS: 68259-36-9	≤3
Phenol, 2(or 4)-C9-10-branched alkyl derivs., phosphorothioates (3:1)	Số CAS: 126019-82-7	<2.5
1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis (2-ethylhexyl)-ar-methyl-	Số CAS: 94270-86-7	≤0.3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt	Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa mắt ngay ít nhất trong 15 phút. Các mí mắt phải được tách khỏi nhãn cầu để bảo đảm cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
Qua đường hô hấp	Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
Tiếp xúc ngoài da	Nếu bị tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa da ngay ít nhất trong 15 phút trong khi lột bỏ quần áo và giày bị nhiễm. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất làm sạch da đã được công nhận. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu xảy ra kích ứng hoặc mẩn đỏ da: Hỏi ý kiến tư vấn y tế/chăm sóc y tế.
Nuốt phải	Không được gây ói trừ khi nhân viên y tế đã cho chỉ thị. Không được đưa bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28	Mã sản phẩm 450798-FR01	Trang: 2/14
Ngày phát hành 02/12/2026.	Format Việt nam	Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT
Phiên bản 9.01	(Việt nam)	(VIETNAMESE)

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

The thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị

Nói chung điều trị cần hướng vào triệu chứng và nhằm vào việc giảm nhẹ mọi tác động.
Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.

Điều trị cụ thể

Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện phù hợp. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp

Trong trường hợp xảy ra cháy, sử dụng vòi nước phun sương, bình chữa cháy dạng bột, hóa chất khô hoặc cacbon đioxit.

Các chất chữa cháy không phù hợp

Không dùng vòi phun nước áp lực cao.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm

Các sản phẩm đốt cháy có thể bao gồm những chất sau:
các ôxit photpho
các oxit carbon (CO, CO₂) (cacbon monoxit, cacbon đi-oxit)
Oxit lưu huỳnh (SO, SO₂ v.v...)
oxit nitơ (NO, NO₂ v.v...)

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện phù hợp. Nếu thấy có cháy, nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đưa tất cả mọi người ra khỏi khu vực đang xảy ra sự cố.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Lính cứu hỏa phải mang thiết bị thở tự hành áp suất dương (SCBA) và đồ nghề đầy đủ.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu

Liên hệ với nhân viên cấp cứu. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện phù hợp. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên chạm vào hoặc dẫm lên chất bị đổ. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Sản nhà có thể trơn, hãy cẩn thận để tránh bị ngã.

Cho các nhân viên cấp cứu

Bước vào một không gian chật hẹp hoặc khu vực thông gió kém bị ô nhiễm bởi hơi, sương hoặc khói mà không có thiết bị bảo vệ đường hô hấp và hệ thống làm việc an toàn là vô cùng nguy hiểm. Đeo bình khí thở. Sử dụng quần áo chống chất hoá học thích hợp. Ứng chống hóa chất. Xem thêm thông tin trong mục "Cho người không phải nhân viên cấp cứu".

Phòng ngừa cho môi trường

Tránh làm lây lan vật liệu bị tràn đổ, ngăn không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, nguồn nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho cơ quan chức năng liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Mã sản phẩm 450798-FR01

Trang: 3/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Hút bằng chất trợ rời cho vào bình chứa chất thải thích hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rời cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương. Vật liệu thấm bị nhiễm có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Tránh phơi nhiễm - lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Tránh phơi nhiễm khi có thai. Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Nếu trong lúc sử dụng bình thường mà vật liệu có biểu hiện nguy hiểm đến hệ hô hấp thì chỉ nên dùng khi có đủ sự thoáng khí hoặc mang dụng cụ hô hấp thích hợp. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát

Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến sản phẩm. Rửa thật kỹ sau khi xử lý. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Chỉ cất giữ và sử dụng trong thiết bị/thùng chứa được thiết kế riêng cho sản phẩm này. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Không thích hợp

Phơi nhiễm lâu với nhiệt độ tăng cao

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không.

Chỉ số phơi nhiễm sinh học

Không có chỉ số phơi nhiễm nào được biết đến.

Quy trình theo dõi đề nghị

Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Mã sản phẩm

450798-FR01

Trang: 4/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Tất cả các hoạt động liên quan đến hoá chất phải được đánh giá về mức độ rủi ro đối với sức khỏe, để đảm bảo rằng việc phơi nhiễm được kiểm soát đúng mức. Thiết bị bảo hộ cá nhân chỉ được xem xét sau khi các biện pháp kiểm soát khác (nghĩa là kiểm soát về kỹ thuật) đã được đánh giá thích hợp. Thiết bị bảo hộ cá nhân phải tuân thủ các tiêu chuẩn phù hợp, thích hợp để sử dụng, được bảo quản trong tình trạng tốt và đúng cách.

Nhà cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân cần tư vấn để có lời khuyên về việc chọn lựa và tiêu chuẩn phù hợp. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với tổ chức tiêu chuẩn tại quốc gia bạn.

Cung cấp hệ thống thông gió hay thiết bị kiểm soát khác để giữ nồng độ không khí liên quan ở dưới giới hạn độc hại nghề nghiệp tương ứng.

Lựa chọn cuối cùng về thiết bị bảo hộ sẽ phụ thuộc vào mức độ đánh giá rủi ro. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng tất cả các hạng mục thiết bị bảo hộ các nhân đều phải phù hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh

Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục bị nhiễm hóa chất trước khi sử dụng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Bảo vệ mắt

Kính bảo hộ có miếng che hai bên.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu có khả năng tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hãy đeo găng tay bảo hộ chống hoá chất. Khuyến nghị: Găng tay nitril. Sự lựa chọn đúng găng tay bảo hộ phụ thuộc vào các chất hóa học được xử lý, điều kiện làm việc và sử dụng, và tình trạng của găng tay (thậm chí găng tay chống chất hóa học tốt nhất sẽ bị rách sau sự phơi nhiễm hóa học liên tục). Hầu hết các găng tay chỉ có tác dụng bảo vệ trong một thời gian ngắn và phải được hủy bỏ và thay thế kịp thời. Do các môi trường làm việc cụ thể và thực tế thao tác với vật liệu thay đổi, các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Vì thế, găng tay cần được chọn với sự tư vấn của nhà cung cấp/nhà sản xuất và với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.

Bảo vệ da

Sử dụng quần áo bảo hộ là thực hành công nghiệp tốt.

Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Quần áo bảo hộ lao động làm bằng bông hoặc polyeste/bông sẽ chỉ cung cấp bảo vệ chống lại sự nhiễm bẩn nhẹ trên bề mặt và không thấm xuyên qua da. Cần thường xuyên giặt quần áo bảo hộ lao động. Khi có rủi ro phơi nhiễm da cao (ví dụ khi dọn sạch sản phẩm bị tràn đổ hoặc khi có rủi ro bị văng vào), cần mang tạp dề hoặc quần áo chống hoá chất và mang giày ủng.

Biện pháp bảo vệ da khác

Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Mã sản phẩm

450798-FR01

Trang: 5/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thiếu thông gió, mang thiết bị thở thích hợp. Để tránh các chất lỏng trong quá trình gia công kim loại, cần sử dụng biện pháp bảo vệ hô hấp phù hợp được phân loại là "kháng được chất dầu" (nhóm R) hoặc chống dầu (nhóm P). Tùy theo mức độ của các chất ô nhiễm trong không khí, cần phải sử dụng mặt nạ nửa mặt có tính năng lọc không khí (với phin lọc HEPA), kể cả mặt nạ dùng một lần (loại P hoặc R) (trong trường hợp mức sương dầu thấp hơn 50 mg/m³), hoặc các loại mặt nạ chạy bằng pin, có tính năng lọc không khí được trang bị mũ trùm đầu hoặc mũ bảo hiểm và phin lọc HEPA (trong trường hợp mức sương dầu thấp hơn 125 mg/m³). Trong các hoạt động gia công kim loại có tiềm ẩn mối nguy hại là hơi hữu cơ thì có thể cần dùng một phin lọc kết hợp lọc hạt và lọc hơi hữu cơ. Sự lựa chọn đúng đắn việc bảo vệ đường hô hấp tùy thuộc vào loại hoá chất được sử dụng, điều kiện làm việc và sử dụng, và điều kiện của thiết bị hô hấp. Các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Do vậy, thiết bị bảo vệ hô hấp nên được chọn lựa với sự tư vấn của nhà cung cấp/ nhà sản xuất cùng với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

Bề ngoài

Trạng thái vật lý

Màu sắc

Mùi

Ngưỡng về mùi

pH

Điểm chảy/điểm đông

Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi

Điểm chớp cháy

Tỷ lệ hóa hơi

Khả năng cháy

Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy

Áp suất hóa hơi

Chất lỏng.

Màu đỏ. [Sáng]

Không có sẵn.

Không có sẵn.

Không áp dụng.

Không có sẵn.

Không có sẵn.

Cốc hở: 280°C (536°F) [Cleveland]

Không có sẵn.

Không có sẵn.

Không có sẵn.

Tên thành phần nguy hiểm	Áp suất hơi ở 20°C			Áp suất hơi ở 50°C		
	mm Hg	kPa	Phương pháp	mm Hg	kPa	Phương pháp
Pôlyme đồng nhất, Dec-1-ene đã được hydro hóa Oligome, Dec-1-ene đã được hydro hóa	<0.0041	<0.00055	ASTM E 1194-87			
Pôlyme đồng nhất, Dec-1-ene đã được hydro hóa Oligome, Dec-1-ene đã được hydro hóa	<0.0041	<0.00055	ASTM E 1194-87			
Polybuten (Chất đồng trùng hợp isobutylen/buten)	5.10043	0.68		13.05111	1.7	

Mật độ hơi tương đối

Tỷ trọng

Không có sẵn.

<1000 kg/m³ (<1 g/cm³) ở 15°C

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Mã sản phẩm

450798-FR01

Trang: 6/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Tỷ trọng Không có sẵn.

(Các) độ tan

Môi trường	Kết quả
nước	Không hòa tan

Hệ số phân chia nước/Octanol Không áp dụng.

Nhiệt độ tự cháy

Tên thành phần nguy hiểm	°C	°F	Phương pháp
Pôlyme đồng nhất, Dec-1-ene đã được hydro hóa Oligome, Dec-1-ene đã được hydro hóa	343 đến 369	649.4 đến 696.2	ASTM D 2159
Pôlyme đồng nhất, Dec-1-ene đã được hydro hóa Oligome, Dec-1-ene đã được hydro hóa	343 đến 369	649.4 đến 696.2	ASTM D 2159
Polybuten (Chất đồng trùng hợp isobutylen/buten)	215	419	EU A.15

Nhiệt độ phân hủy

Không có sẵn.

Độ nhớt

Động học: 280 mm²/s (280 đơn vị cSt) ở 40°C

Động học: 32.7 mm²/s (32.7 đơn vị cSt) ở 100°C (ASTM D 445)

Đặc tính hạt

Kích thước hạt trung bình

Không áp dụng.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng

Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể nào cho sản phẩm này. Tham khảo Điều kiện để phòng tránh và Vật liệu không thích hợp để biết thêm thông tin.

Tính ổn định

Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Dưới tình trạng lưu trữ và sử dụng bình thường, polyme hóa nguy hại sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh

Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa).

Các vật liệu không tương thích

Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: các chất ôxy hoá.

Những sản phẩm phân hủy nguy hại

Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, các sản phẩm phân hủy nguy hại sẽ không phát sinh.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần

Kết quả

Tên sản phẩm Viscogen KKK 28

Mã sản phẩm

450798-FR01

Trang: 7/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutylnaphthalen-1-amine

Chuột - Đường miệng - LD50

>2000 mg/kg

OECD 423

Chuột - Qua da - LD50

>2000 mg/kg

OECD 402

1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis(2-ethylhexyl)-ar-methyl-

Chuột - Đường miệng - LD50

>2000 mg/kg

OECD 401

Thỏ - Qua da - LD50

>2000 mg/kg

OECD 402

Ăn mòn/kích ứng da

Tên sản phẩm/thành phần

N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutylnaphthalen-1-amine

1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis(2-ethylhexyl)-ar-methyl-

Kết quả

RhE - Da - Không dị ứng với da.

OECD 439

Thỏ - Da - Gây dị ứng

OECD 404

Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt

Tên sản phẩm/thành phần

N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutylnaphthalen-1-amine

1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis(2-ethylhexyl)-ar-methyl-

Kết quả

RhCE - Mắt - Không dị ứng với mắt.

OECD 492

BCOP - Mắt - Không dị ứng với mắt.

OECD 437

Thỏ - Mắt - Không dị ứng với mắt.

OECD 405

Ăn mòn/kích ứng đường hô hấp

Không có sẵn.

Nhạy cảm với đường hô hấp hoặc da

Tên sản phẩm/thành phần

N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutylnaphthalen-1-amine

1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis(2-ethylhexyl)-ar-methyl-

Kết quả

Chuột thí nghiệm - da

OECD 406

Kết quả: Không gây mẫn cảm

Chuột thí nghiệm - da

OECD 406

Kết quả: Nhạy cảm

Đột biến tế bào mầm

Tên sản phẩm/thành phần

Kết quả

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Mã sản phẩm 450798-FR01

Trang: 8/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutyl-naphthalen-1-amine

Trong ống thử nghiệm - Vi trùng

OECD [Xét nghiệm đột biến ngược vi khuẩn]

Kết quả: Âm tính

Trong ống thử nghiệm - Loài có vú - không chỉ định rõ loại nào

OECD [Xét nghiệm đột biến gen tế bào động vật có vú in vitro]

Kết quả: Âm tính

Trong ống thử nghiệm - Loài có vú - không chỉ định rõ loại nào

OECD [Xét nghiệm quang sai nhiễm sắc thể động vật có vú in vitro]

Kết quả: Âm tính

Trong ống thử nghiệm - Vi trùng

Tương đương với OECD [Xét nghiệm đột biến ngược vi khuẩn]

Kết quả: Âm tính

Trong ống thử nghiệm - Loài có vú - không chỉ định rõ loại nào

OECD [Xét nghiệm quang sai nhiễm sắc thể động vật có vú in vitro]

Kết quả: Âm tính

Trong ống thử nghiệm - Loài có vú - không chỉ định rõ loại nào

OECD [Xét nghiệm đột biến gen tế bào động vật có vú in vitro]

Kết quả: Âm tính

1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis(2-ethylhexyl)-ar-methyl-

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Tên sản phẩm/thành phần

N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutyl-naphthalen-1-amine

Kết quả

Chuột - Đường miệng

OECD 422

Độ độc nơi người mẹ: Âm tính

Ảnh hưởng khả năng sinh sản: Âm tính

Phát triển cơ thể: Âm tính

1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis(2-ethylhexyl)-ar-methyl-

Chuột - Đường miệng

OECD 422

Độ độc nơi người mẹ: Âm tính

Ảnh hưởng khả năng sinh sản: Âm tính

Phát triển cơ thể: Âm tính

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Mã sản phẩm

450798-FR01

Trang: 9/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra

Các đường phơi nhiễm dự kiến: Đường miệng, Qua da, Qua đường hô hấp, Mắt.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.
Qua đường hô hấp	Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm.
Tiếp xúc ngoài da	Khử mỡ của da. Có thể gây khô da và kích ứng. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Nuốt phải	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt	Không có thông tin cụ thể.
Qua đường hô hấp	Không có thông tin cụ thể.
Tiếp xúc ngoài da	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ khô da nứt da trọng lượng bào thai bị giảm tăng tỷ lệ chết của bào thai các dị tật xương
Nuốt phải	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: trọng lượng bào thai bị giảm tăng tỷ lệ chết của bào thai các dị tật xương

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp	Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp	Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Tổng quát	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.
Tính gây ung thư	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.
Tính đột biến	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.
Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.
Ảnh hưởng khả năng sinh sản	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28	Mã sản phẩm 450798-FR01	Trang: 10/14
Ngày phát hành 02/12/2026.	Format Việt nam	Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT
Phiên bản 9.01	(Việt nam)	(VIETNAMESE)

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Không có sẵn.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần

N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutylnaphthalen-1-amine

1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis(2-ethylhexyl)-ar-methyl-

Kết quả

Cấp tính - ErC50

OECD 201

Tảo

>100 mg/l [72 giờ]

Cấp tính - EC50

OECD 202

Daphnia

>100 mg/l [48 giờ]

Cấp tính - LC50

OECD 203

Cá

>100 mg/l [96 giờ]

mãn tính - NOEC

OECD 201

Tảo

100 mg/l [72 giờ]

Cấp tính - ErC50

OECD 201

Tảo

0.976 mg/l [72 giờ]

Cấp tính - EC50

OECD 202

Daphnia

2.05 mg/l [48 giờ]

Cấp tính - LC50

OECD 203

Cá

1.3 mg/l [96 giờ]

mãn tính - NOErC

OECD 201

Tảo

0.32 mg/l [72 giờ]

Hậu quả môi trường

Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.

Độ bền và khả năng phân hủy

Không được xem là sẽ phân hủy nhanh.

Tên sản phẩm/thành phần

N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutylnaphthalen-1-amine

1H-Benzotriazole-1-methanamine, N,N-bis(2-ethylhexyl)-ar-methyl-

Kết quả

OECD 301B

0% [28 ngày] - Không dễ

OECD 301B

7% [28 ngày] - Không dễ

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Ngày phát hành 02/12/2026.

Phiên bản 9.01

Mã sản phẩm

450798-FR01

Trang: 11/14

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Không có sẵn.

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
N-phenyl-1,1,3,3-tetramethylbutyl-naphthalen-1-amine	>8	-	Cao
Phenol, 2(or 4)-C9-10-branched alkyl derivs., phosphorothioates (3:1)	20.3	-	Cao

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước

Không có sẵn.

Tính cơ động

Chất lỏng. không tan trong nước.

Hậu quả xấu khác

Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ

Cần tránh hoặc nếu có thể giảm thiểu việc tạo ra chất thải

Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Chỉ do các nhà thầu có được phép xử lý các sản phẩm thừa hay các sản phẩm không tái chế được xử lý chất thải. Bất cứ lúc nào, việc thải bỏ sản phẩm, dụng dịch hoặc sản phẩm phụ phải phù hợp với các yêu cầu của cơ quan bảo vệ môi trường, luật lệ xử lý chất thải, và quy định của chính quyền địa phương hay khu vực.

Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay các lớp lót có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan vật liệu bị tràn đổ, ngăn không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, nguồn nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	IMDG	IATA
Số UN	Không quản lý.	Không quản lý.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	-	-
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	-	-
Quy cách đóng gói	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	Không.
Thông tin bổ sung	-	-

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Mã sản phẩm

450798-FR01

Trang: 12/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Các biện pháp để phòng đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm Chưa rõ có quy định quốc gia và/hoặc khu vực nào được áp dụng đối với sản phẩm này (bao gồm cả các thành phần của nó).

Danh sách quốc tế

Tình trạng Danh mục của Úc (AICS) Có ít nhất một thành phần không được liệt kê.

Danh mục của Canada Có ít nhất một thành phần không được liệt kê trong DSL (Danh Sách Các Chất Nội Địa) nhưng tất cả các thành phần này đều được liệt kê trong NDSL (Danh Sách Các Chất Không Thuộc Nội Địa).

Danh mục của Trung Quốc (IECSC) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Tình Trạng REACH (Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) Công ty, như được xác định trong Mục 1, bán sản phẩm này tại Châu Âu theo yêu cầu hiện thời của REACH.

Danh mục của Nhật (ENCS) Có ít nhất một thành phần không được liệt kê.

Danh mục của Hàn Quốc (KECI) Có ít nhất một thành phần không được liệt kê.

Danh mục của Phi-lip-pin (PICCS) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Taiwan Chemical Substances Inventory (TCSI) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc) Tất cả các thành phần đều hoạt động hoặc được miễn trừ.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh 2026 Tháng Hai 12

Ngày phát hành lần trước 11/11/2025

Chuẩn bị bởi Product Stewardship

Bảng từ viết tắt
ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
UN = Liên hợp quốc

Tên sản phẩm	Viscogen KLK 28	Mã sản phẩm	450798-FR01	Trang:	13/14
Ngày phát hành	02/12/2026.	Format	Việt nam	Ngôn ngữ	TIẾNG VIỆT
Phiên bản	9.01		(Việt nam)		(VIETNAMESE)

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Đa tạp = có thể chứa một hay nhiều thành phần sau 64741-88-4, 64741-89-5, 64741-95-3, 64741-96-4, 64742-01-4, 64742-44-5, 64742-45-6, 64742-52-5, 64742-53-6, 64742-54-7, 64742-55-8, 64742-56-9, 64742-57-0, 64742-58-1, 64742-62-7, 64742-63-8, 64742-65-0, 64742-70-7, 72623-85-9, 72623-86-0, 72623-87-1

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Tất cả các bước khả thi hợp lý đã được thực hiện để đảm bảo thông tin về sức khỏe, an toàn và môi trường trong bảng dữ liệu là chính xác tính đến ngày được nêu dưới đây. Không có sự bảo đảm hoặc diễn đạt nào thể hiện hoặc ngụ ý về sự chính xác hoặc đầy đủ của số liệu và thông tin có trong bảng dữ liệu này.

Dữ liệu và lời khuyên đã cho áp dụng khi sản phẩm bán ra để sử dụng cho một hoặc nhiều ứng dụng đã nêu rõ. Bạn không được sử dụng sản phẩm theo cách khác với (những) cách đã nêu mà không hỏi ý kiến của Tập đoàn BP.

Nghĩa vụ của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn và tuân thủ các luật pháp và quy định được áp dụng. Tập đoàn BP sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ mọi thiệt hại hoặc tổn thương do sử dụng khác với công dụng của sản phẩm đã nêu rõ đối với chất này, do không tuân thủ các khuyến nghị, hoặc do bất kỳ sự nguy hiểm nào vốn có trong bản chất của sản phẩm. Những người mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba sử dụng tại nơi làm việc có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất kỳ người nào xử lý hoặc sử dụng sản phẩm đều được cung cấp thông tin trong tờ này. Các nhà sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro được mô tả trong tờ này và cần thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa. Bạn có thể liên hệ với Tập đoàn BP để đảm bảo tài liệu này là tài liệu mới nhất hiện có. Nghiêm cấm thay đổi đối với tài liệu này.

Tên sản phẩm Viscogen KLK 28

Mã sản phẩm 450798-FR01

Trang: 14/14

Ngày phát hành 02/12/2026.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 9.01

(Việt nam)

(VIETNAMESE)